

Số: 2249 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhãn mác cho giày thể thao, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm)”
của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhãn mác cho giày thể thao, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm)” họp ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhãn mác cho giày thể thao, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm)” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản giải trình chỉnh sửa số 04/TSRG ngày 07/9/2020 của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 498/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2020.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhãn mác cho giày thể thao, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm)” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại Lô A1-4, A1-5 đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang với các nội dung chính tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

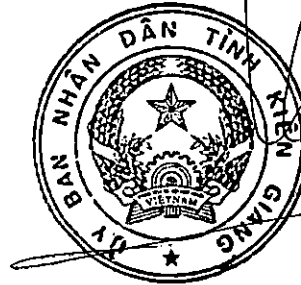
Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP, P.KT, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhân mác cho giày thể thao, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm)”

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: “Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (Nhà máy sản xuất tấm cao su xốp EVA, công suất: 96.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép, công suất: 12.000.000 sản phẩm/năm và sản xuất, gia công nhân mác cho giày thể thao, công suất: 12.000.000 sản phẩm/năm)”.

- Địa điểm thực hiện: Lô A1-4, A1-5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá.

- Địa chỉ liên hệ: Lô A1-4, A1-5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Vũ Thanh Mỹ - Giám đốc nhân sự; điện thoại: 0903.746.811; Email: thanhmy.vu@gmail.com.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Dự án có diện tích 13.815 m² nằm trong Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Dự án sau khi hoàn thành, đi vào hoạt động có quy mô, công suất sản xuất như sau:

- Sản xuất tấm cao su xốp EVA cho giày dép: 96.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất, gia công đế cao su cho giày dép: 12.000.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất, gia công nhân mác cho giày thể thao: 12.000.000 sản phẩm/năm.

1.2. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

STT	Hạng mục	Số lượng	Quy cách (m)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
I	Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất				
1	Xưởng sản xuất	01 xưởng	120 x 75	9.000	9.000
II	Các hạng mục công trình xử lý chất thải				
1	Trạm xử lý nước thải	01 trạm	12,5 x 10	125	125

STT	Hạng mục	Số lượng	Quy cách (m)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
2	Khu vực chứa chất thải	01 khu	10 x 05	50	50
2.1	Kho chứa chất thải sinh hoạt	01 kho	02 x 05	10	10
2.2	Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường	01 kho	06 x 05	30	30
2.3	Kho chứa chất thải nguy hại	01 kho	02 x 05	10	10

1.3. Công nghệ sản xuất của dự án:

* Quy trình sản xuất tấm xốp EVA:

Nguyên liệu (hạt nhựa EVA) → Kiểm tra → Luyện kín → Cán dẻo → Ép nóng → Đẽ nguội → Thành phẩm.

* Quy trình sản xuất đế giày:

- Sản xuất bán thành phẩm đế ngoài giày:

Nguyên liệu (cao su chính phẩm thành phẩm) → Kiểm tra → Luyện kín → Cán dẻo → Làm lạnh → Dập phôi → Ép nóng 140°C → Đẽ nguội → Cắt tia → Đế ngoài giày.

- Sản xuất hoàn thiện đế giày:

Đế ngoài giày → Kiểm tra → Mài đế → Rửa đế → Làm nóng → Quét chiếu tia UV → Làm lạnh → Quét chiếu tia UV → Làm nóng → Dán đế → Ép máy → Nhập kho.

* Quy trình gia công nhãn mác cho giày thể thao:

Nguyên liệu (nhãn mác và giày thành phẩm của khách hàng giao sẵn) → Quét keo → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Các tác động môi trường chính của dự án
Lắp đặt máy móc thiết bị	Vận chuyển máy móc thiết bị.	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO _x ...) từ các phương tiện vận chuyển.
	Hoạt động hàn, lắp ráp.	- Khí thải từ quá trình hàn kim loại. - Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Các tác động môi trường chính của dự án
		- Tiếng ồn. - Các sự cố rủi ro (<i>cháy nổ, tai nạn lao động</i>).
	Sinh hoạt của công nhân.	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.
Vận hành thử nghiệm và thương mại	- Phương tiện vận chuyển. - Cân định lượng hóa chất. - Giai đoạn nạp liệu.	Bụi và khí thải (<i>CO, SO₂, NO_x, ...</i>).
	- Cán dèo, ép nóng. - Công đoạn sử dụng keo, quét keo trước khi chiếu tia UV.	Hợp chất hữu cơ bay hơi.
	- Nhà vệ sinh. - Nhà chứa rác.	Mùi hôi.
	- Sinh hoạt của công nhân viên. - Quá trình rửa đế giày. - Quá trình súc rửa bồn làm lạnh cao su.	Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.
	Hoạt động sinh hoạt, ăn uống của công nhân viên	Chất thải rắn sinh hoạt.
	Phát sinh từ quá trình sản xuất: cắt, dập lỗ, quá trình kiểm tra của KCS, đóng gói,...	Chất thải rắn sản xuất.
	Từ công tác sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị và hoạt động sản xuất của nhà máy.	Chất thải nguy hại: dầu nhớt thải, thùng chứa hóa chất, mực in, dung môi, keo dán, bóng đèn huỳnh quang, pin, ...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
Giai đoạn lắp đặt	Nước thải của công nhân lắp	0,9 m ³ /ngày.

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
máy móc thiết bị	đặt thiết bị	
Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Nước thải sinh hoạt (<i>công nhân + chuyên gia</i>)	15,5 m ³ /ngày đêm.
	Nước thải từ quá trình sản xuất: - Nước súc rửa bồn làm lạnh tấm cao su sau khi cán dèo. - Nước thải phát sinh từ quá trình rửa đế giày.	- Thời điểm vận hành thử nghiệm, chưa phát sinh nước súc rửa bồn làm lạnh cao su. - 09 (chín) m ³ /ngày.
Giai đoạn vận hành thương mại	- Nước thải sinh hoạt (<i>công nhân + chuyên gia</i>).	47 m ³ /ngày đêm.
	Nước thải từ quá trình sản xuất: - Nước súc rửa bồn làm lạnh tấm cao su sau khi cán dèo. - Nước thải phát sinh từ quá trình rửa đế giày.	- 03 (ba) m ³ /06 tháng ≈ 0,02 m ³ /ngày. - 30 (ba mươi) m ³ /ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	Khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.	CO, SO ₂ , NO ₂ , bụi, VOC.
	Khí thải từ quá trình hàn kim loại	Khói hàn, CO, NO _x .
Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển.	CO, SO ₂ , NO ₂ , bụi, VOC.
	Bụi phát sinh từ khu vực định lượng hóa chất, phụ gia.	0,69 mg/m ³ .
	Bụi từ quá trình mài đế.	0,92 mg/m ³ .
	Hơi hữu cơ từ quá trình luyện kín (<i>trộn</i>) và quá trình cán dèo.	2,08 mg/m ³ .

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
	Hơi hữu cơ từ quá trình quét hóa chất (<i>keo</i>) trước khi chiếu tia UV, dán keo.	- Khu vực chiếu tia UV: 24,36 mg/m ³ . - Khu vực dán keo: 16,03 mg/m ³ .
	Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.	CO, SO ₂ , NO _x , VOC, bụi.
	Mùi, khí thải từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu chứa rác, nhà vệ sinh.	NH ₃ , H ₂ S, CH ₄ ,...
Giai đoạn vận hành thương mại	Khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển.	CO, SO ₂ , NO ₂ , bụi, VOC.
	Bụi phát sinh từ khu vực định lượng hóa chất, phụ gia.	2,36 mg/m ³ .
	Bụi từ quá trình mài đế.	0,92 mg/m ³ .
	Hơi hữu cơ từ quá trình luyện kín (<i>trộn</i>) và quá trình cán dẽo.	6,92 mg/m ³ .
	Hơi hữu cơ từ quá trình quét hoá chất (<i>keo</i>) trước khi chiếu tia UV, dán keo.	- Khu vực chiếu tia UV: 81,08 mg/m ³ . - Khu vực dán keo: 53,42 mg/m ³ .
	Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.	CO, SO ₂ , NO _x , VOC và bụi.
	Mùi, khí thải từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu chứa rác, nhà vệ sinh.	NH ₃ , H ₂ S, CH ₄ ...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	Chất thải sinh hoạt từ công nhân lắp đặt thiết bị.	10 kg/ngày
	Chất thải công nghiệp thông thường: pallet thải,	10 kg/ngày

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
	thùng carton,...	
Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Chất thải sinh hoạt từ công nhân viên của Công ty: thực phẩm thừa,...	310 kg/ngày
	Chất thải công nghiệp thông thường: cao su vụn, xốp vụn EVA, Bụi cao su, bao bì, thùng carton...	2,5 tấn/tháng.
Giai đoạn vận hành thương mại	Chất thải sinh hoạt từ công nhân viên của Công ty: thực phẩm thừa,...	1.010 kg/ngày.
	Chất thải công nghiệp thông thường: cao su vụn, xốp vụn EVA, Bụi cao su, bao bì, thùng carton,...	10 tấn/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Giai đoạn thực hiện	Loại, tính chất chất thải	Quy mô tác động, khối lượng phát thải dự kiến
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	Giẻ lau dầu máy, bao bì chứa dầu máy, que hàn thải,...	50 kg/30 ngày \approx 1,7 kg/ngày
Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...	1.897 kg/năm.
Giai đoạn vận hành thương mại	Bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, than hoạt tính thải,...	6.323 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị: Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận chuyển máy móc thiết bị, từ quá trình lắp ráp máy móc thiết bị.

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm và thương mại:

+ Tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất như máy luyện kín, máy cán dẹt, máy đập, ... có cường độ ồn dao động từ 74 - 82 dBA.

+ Nhiệt thừa: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất như

máy cán kéo, máy ép nóng, máy luyện kín,... có mức nhiệt 30,8 - 31,2°C.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Giai đoạn này nhà xưởng và một số công trình phụ trợ đã được xây dựng hoàn thiện. Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 03 ngăn tại các nhà vệ sinh trong nhà xưởng và các công trình phụ trợ của nhà máy.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh phục vụ sinh hoạt của công nhân và chuyên gia làm việc trong nhà máy, được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Đối với nước thải phát sinh từ quá trình rửa đế giày và nước súc rửa bồn nước làm lạnh cao su được thu gom bằng hệ thống đường ống riêng biệt dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Toàn bộ nước thải của dự án (*nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất*) được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 150 m³/ngày đêm, với quy trình công nghệ như sau:

Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể khử Nitơ 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể khử Nitơ 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng 2 → Bể trung chuyển → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước chung của Khu Công nghiệp Thạnh Lộc (*đường số 1*).

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà máy đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thoát ra hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu Công nghiệp Thạnh Lộc.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Áp dụng các biện pháp để hạn chế tác động của bụi, khí thải trong quá trình hoạt động như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm từ phương tiện vận chuyển:
 - + Sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và yêu cầu trong vận chuyển, không chuyên chở hàng hóa vượt trọng tải quy định.
 - + Hạn chế vận chuyển vào các giờ cao điểm.
 - + Phương tiện vận chuyển phải được bảo dưỡng, bảo trì và đăng kiểm định kỳ theo quy định.
 - + Sử dụng nhiên liệu có lưu huỳnh thấp.

+ Phun nước tạo ẩm mặt đường tại công ra vào của dự án cũng như là đường nội bộ để giảm thiểu bụi từ mặt đường bị gió thổi cuốn theo.

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy hàn: thợ hàn được trang bị vật dụng bảo hộ lao động như mặt nạ chống độc bằng than hoạt tính, quần áo bảo hộ, găng tay, mũ hàn, giày,... để hạn chế tác động từ khí thải phát sinh trong quá trình hàn.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

Áp dụng các biện pháp để hạn chế tác động của bụi, khí thải trong quá trình hoạt động như sau:

- Máy phát điện dự phòng: Sử dụng dầu có tỷ lệ %S thấp (*dầu DO, 0,05%S*) để giảm thiểu nồng độ SO_2 trong khí thải. Máy điện được lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đi kèm máy phát điện của nhà cung cấp, khí thải được thoát ra môi trường qua ống khói cao từ 03 - 05 m tính từ mặt đất.

- Khu vực cân định lượng tại kho hóa chất: Nhà kho được bố trí nhiều cửa ra vào và nhiều cửa sổ để thông thoáng khí. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua cửa mái. Chủ dự án dự kiến bố trí 02 cửa cuốn ra vào có kích thước 04 m x 04 m và 08 quạt hút công nghiệp có công suất 01 Hp/quạt tại kho hóa chất.

- Khu vực mài đế giày: Sử dụng máy mài có tích hợp hệ thống thu hồi bụi. dự án bố trí tổng số 22 máy mài, mỗi máy có 03 ống lọc bụi túi vải (*đường kính khoảng 120 mm*) và bộ phận chứa bụi. Định kỳ công nhân tháo bộ phận chứa bụi ra khỏi máy mài để vệ sinh và xử lý bụi lọc.

- Hơi hữu cơ từ quá trình dán keo: Được xử lý qua 01 hệ thống thu gom và xử lý khí thải bằng than hoạt tính. Hệ thống bao gồm: Chụp hút: 12 cái; Quạt: 01 cái, công suất 35HP; Tháp hấp phụ: 01 bộ, kích thước (*D x H*) là 02 m x 04 m; Ống khói: 01 cái, kích thước (*D x H*) là 0,5 m x 10 m. Quy trình hoạt động hệ thống thu gom và xử lý khí thải như sau:

Nguồn phát thải → Chụp hút → Ống hút → Tháp hấp phụ → Khí sạch thoát ra môi trường qua ống khói cao 10 m.

- Hơi hữu cơ từ quá trình quét hóa chất (*keo*) trước khi chiếu tia UV: Được xử lý qua 01 hệ thống thu gom và xử lý khí thải bằng than hoạt tính. Hệ thống bao gồm: Chụp hút: 02 cái; Quạt: 01 cái, công suất 02HP; Tháp hấp phụ: 01 bộ, kích thước (*D x H*) là 0,8 m x 01 m; Ống khói: 01 cái, kích thước (*D x H*) là 0,2 m x 10 m. Quy trình hoạt động hệ thống thu gom và xử lý khí thải như sau:

Nguồn phát thải → Chụp hút → Ống hút → Tháp hấp phụ → Khí sạch thoát ra môi trường qua ống khói cao 10 m.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý bụi, khí thải, hợp chất hữu cơ bay hơi phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và lưu chứa trong kho chứa chất thải của nhà xưởng đã xây dựng sẵn. Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 10 m² và kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 30 m², đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh nhiều chất thải sinh hoạt; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về kho chứa có diện tích 10 m², để lưu chứa tạm thời.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành với tần suất 01 lần/ngày.

*** Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thu gom, lưu trữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có tổng diện tích 30 m² đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

a. Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại đã có sẵn với diện tích 10 m². Kho chứa được bố trí các thùng lưu trữ riêng biệt từng loại chất thải, có dán dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa chất thải nguy hại và áp dụng các biện pháp quản lý chất thải nguy hại đúng quy định. Định kỳ, chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh; thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và thực hiện các báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

Thực hiện thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại như giai đoạn vận hành thử nghiệm.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Hợp đồng, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác như sau:

- Nhắc nhở tài xế giảm tốc độ khi ra vào dự án, hạn chế sử dụng còi, tắt máy trong quá trình chờ bốc dỡ hàng hóa.
- Phương tiện vận chuyển phải được bảo dưỡng, bảo trì và đăng kiểm định kỳ.
- Công nhân thực hiện quá trình hàn được trang bị nút tai chống ồn.

b. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

Áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác như sau:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị tại nhà máy.
- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.
- Kiểm soát quá trình vận hành nhằm giảm thiểu lượng nhiệt phát sinh từ máy ép nóng, máy ép cao tầng,... Bố trí quạt thổi mát cục bộ cho những nơi phát sinh nhiều nhiệt, nơi công nhân làm việc tập trung.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

*** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải; thay thế, sửa kịp thời máy móc hư hỏng.

- Công nhân vận hành được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ.
- Theo dõi thường xuyên chất lượng, khối lượng bùn hoạt tính, chất lượng nước sau xử lý để đảm bảo các điều kiện vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Trường hợp nước thải đầu vào thiếu dưỡng chất, công nhân vận hành sẽ tiến hành bổ sung dưỡng chất phù hợp bằng các loại: mật rỉ đường, Ure (*khi thiếu Nito*), DAP hoặc axit H_3PO_4 (*khi thiếu Photpho*).
- Trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến hệ thống xử lý nước thải không hoạt động được, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải. Thực hiện giảm công suất hoạt động của dự án để hạn chế nước thải phát sinh. Sau khi khắc phục, nước thải sẽ được đưa về các bể xử lý (*sau bể điều hòa*) để xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

** Công tác phòng cháy và chữa cháy:*

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố hóa chất:*

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với tính chất công việc, mức độ độc hại của từng loại hoá chất cho người lao động tiếp xúc với hoá chất nguy hiểm. Hướng dẫn cho người lao động cách sử dụng và bảo quản hóa chất.

- Trang bị đầy đủ phương tiện ứng phó sự cố tràn đổ, cháy phù hợp và huấn luyện cho nhân viên biết sử dụng các phương tiện này. Thường xuyên kiểm các các dụng cụ, thiết bị chứa để xử lý, sửa chữa kịp thời.

- Tuân thủ chặt chẽ các quy trình nhập, xuất và tồn chứa trong kho.

- Trường hợp xảy ra sự cố phải được xử lý kịp thời và báo cáo với cơ quan thẩm quyền theo quy định.

- Nhà kho, khu vực lưu chứa hóa chất được xây dựng đảm bảo: Thông gió mở trên mái, có lắp lưới chắn côn trùng; tách biệt với khu vực sản xuất, sang chiết; cửa kho mở được từ 02 phía; sàn kho không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và không có khe nứt; bên ngoài nhà kho lắp đặt các biển báo “Cấm lửa”, “Cấm hút thuốc” to, rõ và dễ thấy;

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi đưa dự án đi vào hoạt động đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

04. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom và xử lý khí thải (*hợp chất hữu cơ bay hơi*) từ quá trình



dán keo: 01 hệ thống.

- Hệ thống thu gom và xử lý khí thải (*hợp chất hữu cơ bay hơi*) từ quá trình quét hóa chất (*keo*) trước khi chiếu tia UV: 01 hệ thống.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: 01 hệ thống, công suất 150 m³/ngày đêm.

- Kho lưu chứa chất thải sinh hoạt: 01 kho, diện tích 10 m².

- Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: 01 kho, diện tích 30 m².

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: 01 kho, diện tích 10 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện giám sát chất thải (*nước thải và khí thải*) với vị trí, chỉ tiêu, tần suất, số lượng mẫu và quy chuẩn so sánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

a. Giám sát chất lượng môi trường khí thải tại nguồn

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại đầu ra ống khói hệ thống thu gom và xử lý khí thải (*hợp chất hữu cơ bay hơi*) từ quá trình dán keo.

+ 01 mẫu tại đầu ra ống khói hệ thống thu gom và xử lý khí thải (*hợp chất hữu cơ bay hơi*) từ quá trình quét hóa chất (*keo*) trước khi chiếu tia UV.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, Acetone, MEK, Ethyl axetate, Butyl axetate, Styrene.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b. Giám sát môi trường không khí trong nhà xưởng

- Vị trí giám sát và chỉ tiêu giám sát:

+ 01 mẫu tại khu vực máy luyện kín: Tiếng ồn, nhiệt độ, bụi, 1, 3 - butadiene, styrene.

+ 01 mẫu tại khu vực cán dẻo: Tiếng ồn, nhiệt độ, H₂S, Styren, 1,3 - Butandiene.

+ 01 mẫu tại khu vực ép nóng: Tiếng ồn, nhiệt độ, Ethyl acetate, Aceton,

Methyl Ethyl Ketone, Methylcyclohexan.

+ 01 mẫu tại khu vực dán keo: Tiếng ồn, nhiệt độ, Acetone, MEK, Ethyl axetate, Butyl axetate, Styrene.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

c. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu khoáng, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

d. Giám sát chất thải nguy hại và chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày (*ghi nhật ký vận hành*).

- Chỉ tiêu giám sát: Thành phần và tổng lượng thải.

